TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P,** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Bính
Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên toà: bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2022/TLST- HNGĐ ngày 02/3/2022 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà **Trần Thị D**, sinh ngày 24/8/1985
Nơi cư trú: khu phố 10, phường M, thành phố P, Bình Thuận.

- *Bị đơn*: ông **Phạm Tuấn E**, sinh năm 1986.
Nơi cư trú: khu phố 10, phường M, thành phố P, Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2022, bản tự khai ngày 07/3/2022 và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Tuấn E tự tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 28/01/2010.

Trong thời kỳ hôn nhân, tôi làm nghề buôn bán hải sản, ông Tuấn E làm thợ hồ, kinh tế đủ sống. Nhưng đã từ lâu vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông E không đưa tiền phụ giúp tôi lo cho gia đình và có hành vi bạo lực gia đình. Sự mâu thuẫn và bạo lực gia đình cứ tiếp diễn, tôi không thể nào chịu đựng nổi. Nay

tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Tuấn E.

- Về con chung: chúng tôi có 03 người con chung tên Phạm Trần Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2009. Phạm Trần Bảo A (nam), sinh ngày 07/4/2017 và Phạm Trần Bảo T (nam), sinh ngày 02/02/2019. Nguyện vọng sau khi ly hôn, tôi sẽ được quyền nuôi 03 con. Hàng tháng, ông Phạm Tuấn E phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 người con là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tức là phải cấp dưỡng nuôi mỗi người con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Theo bản tự khai khai ngày 08/3/2022, bị đơn ông Phạm Tuấn E trình bày:*

Tôi và bà Trần Thị D tự tìm hiểu quen biết và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 28/01/2010. Vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống với nhau, không hòa hợp hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, mặc dù cố hàn gắn nhưng tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, tôi cũng đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn như yêu cầu của vợ tôi.

Về con chung: vợ chồng có 03 người con chung tên Phạm Trần Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2009, Phạm Trần Bảo A (nam), sinh ngày 07/4/2017 và Phạm Trần Bảo T (nam), sinh ngày 02/02/2019. Sau khi ly hôn, tôi đồng ý giao 03 người con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hàng tháng tôi cấp dưỡng 6.000.000 (sáu triệu) đồng nuôi 03 người con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động (mỗi người con 2.000.000 đồng/tháng). Tôi được quyền thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/3/2022, ông Phạm Tuấn E nộp đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Bản tự khai khai ngày 08/3/2022. Tại phiên tòa hôm nay, ông E vắng mặt.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Trần Thị D, bà Trần Thị D được ly hôn với ông Phạm Tuấn E. Về con chung, bà D, ông E xác nhận có 03 người con chung là Phạm Trần Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2009. Phạm Trần Bảo A (nam), sinh ngày 07/4/2017 và Phạm Trần Bảo T (nam), sinh ngày 02/02/2019. Bà D, ông E thỏa thuận sau khi ly hôn, giao 03 người con chung cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông Phạm Tuấn E phải cấp dưỡng tiền nuôi

03 con là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, mỗi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Phạm Tuấn E được thăm nom các con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí bà Trần Thị D, ông Phạm Tuấn E phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Tuấn E, được Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Tuấn E cư trú tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục thụ lý, hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử…Nguyên đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố Tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Tuấn E, nhưng ông E vẫn vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản đúng theo quy định của khoản 2 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: bà Trần Thị D và ông Phạm Tuấn E tự nguyện tìm hiểu, quen biết nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 28/01/2010. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Bà D, ông E cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã kéo dài một thời gian nhưng không hòa giải được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả bà D, ông E đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông E. Ông E cũng đồng ý ly hôn với bà D. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông E không đến Tòa án làm việc và hòa giải, có thể thấy ông E không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết

mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông E là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: bà D và ông E khai vợ chồng ông, bà có 03 (ba) người con chung tên: Phạm Trần Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2009; Phạm Trần Bảo A (nam), sinh ngày 07/4/2017 và Phạm Trần Bảo T (nam), sinh ngày 02/02/2019. Hiện nay các con đang ở với chị Dự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con chung. Ông E cũng đồng ý với bà D về việc nuôi con chung. Ý kiến của con Phạm Trần Bảo K (trên 07 tuổi) cũng có nguyện vọng ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: hàng tháng, ông Phạm Tuấn E phải đồng ý theo yêu cầu của bà D là cấp dưỡng tiền nuôi mỗi người con là 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Phạm Tuấn E được thăm nom các con mà không ai được cản trở. Vì vậy, cần chấp nhận theo yêu cầu của các đương sự theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: bà D, ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về án phí*: bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Ông Phạm Tuấn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị D được ly hôn với ông Phạm Tuấn E.

- Về con chung: giao 03 người con chung gồm: Phạm Trần Bảo K (nam), sinh ngày 21/11/2009; Phạm Trần Bảo A (nam), sinh ngày 07/4/2017 và Phạm Trần Bảo T (nam), sinh ngày 02/02/2019 cho bà Trần Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng, ông Phạm Tuấn E có nghĩa vụ phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi người con là 2.000.000 (hai triệu) đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có

khả năng lao động. Ông E có quyền được thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà D, ông E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Án phí: bà Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004351 ngày 23/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Tuấn E phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/4/2022). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ban án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Nữ Kiều Mỹ